

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2025
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung sau ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Thanh Cầm

Ông Lương Đình Bảo

***Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Bắc Kạn.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông
Nông Văn Đồi - Kiểm sát viên.***

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Tòa
án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ
lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2025 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung
sau ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày
23 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Anh **Nguyễn Văn T.** Sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn K, xã
C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

****Bị đơn:*** Chị **Phùng Thị X,** sinh năm 1997.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Hiện nay sinh sống và làm việc tại: Công ty Cổ phần H1, số G, Đạm Văn
H, thôn Đ, xã T, huyện M, lãnh thổ Đài Loan. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử
vắng mặt.

- Người được ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Chị **Phùng Thị P,** sinh năm
1993, địa chỉ: Bản C, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo Đơn khởi kiện ly hôn ngày 25/9/2024, đơn xin ly hôn ngày
13/5/2025, Biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phùng Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn ngày 13/11/2017. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia N, sinh ngày 18/12/2017. Nhưng sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành.

Ngày 08/10/2022, chị X đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng sống ly thân, đến nay chị X cũng chưa có ý định về Việt Nam mà vẫn tiếp tục ở lại nước ngoài làm việc. Trong thời gian sinh sống và làm việc tại Đài Loan, chị X đã có lần yêu cầu anh làm đơn ly hôn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị X.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị X có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia N, sinh ngày 18/12/2017. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh tại thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và đang học tại Trường tiểu học xã C, huyện N, cháu hoàn toàn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị X tự nguyện thì anh không ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án: Do chị X đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài không thể có mặt trực tiếp tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn và để sớm ổn định cuộc sống anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt trong tất cả các phiên họp, phiên tòa xét xử.

Tại Bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phùng Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện như anh T đã trình bày. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia N, sinh ngày 18/12/2017. Nhưng sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành.

Ngày 08/10/2022, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng sống ly thân, đến nay chị cũng chưa có ý định về Việt Nam mà vẫn tiếp tục ở lại nước ngoài làm việc. Trong thời gian sinh sống và làm việc tại Đài Loan, chị đã có lần yêu cầu anh T làm đơn ly hôn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh T, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Chị xác nhận như phần trình bày của anh T. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia N, sinh ngày

18/12/2017. Do chị phải đi làm ăn xa, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con, do vậy chị nhất trí giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên chị nhất trí.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án: Do chị đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài không thể có mặt trực tiếp tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn nên chị đề nghị:

- Vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.
- Tòa án tiến hành mở Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án.
- Ủy quyền cho chị gái là Phùng Thị P nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo nội dung của các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị.

Tại Biên bản lấy lời khai, con chung Nguyễn Gia N trình bày:

Cháu là Nguyễn Gia N sinh ngày 18/12/2017, là con chung của anh Nguyễn Văn T và chị Phùng Thị X. Hiện nay, cháu đang sống cùng bố tại thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và đang học tại Trường tiểu học xã C, huyện N, cháu hoàn toàn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống cùng bố và không yêu cầu mẹ cấp dưỡng.

Tại Biên bản lấy lời khai, chị Phùng Thị P trình bày:

Chị là chị ruột của chị Phùng Thị X. Hiện nay, chị X đã ủy quyền cho chị nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, chị hoàn toàn nhất trí việc ủy quyền của chị X, chị sẽ có trách nhiệm nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và gửi hoặc thông báo lại nội dung của các văn bản cho chị X.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án và việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cả anh T và chị X đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên việc anh T xin ly hôn, chị X nhất trí ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị X có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia N sinh ngày 18/12/2017. Hiện nay con đang sinh sống cùng anh T, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang học tại Trường tiểu học xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Do chị X đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cháu N ở với bố được bố quan tâm, chăm sóc, bố cháu có chỗ ở và thu nhập ổn định nên đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Nguyễn Gia N cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn trước khi sinh sống và làm việc tại nước ngoài cư trú tại tỉnh Bắc Kạn, hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do vậy đủ căn cứ xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 28, 37, 469 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử: Hiện nay, bị đơn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 228, khoản 5 Điều 477 và Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Phùng Thị X ủy quyền cho chị Phùng Thị P nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, chị P nhất trí nhận ủy quyền của bị đơn và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung nhận ủy quyền. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn sẽ thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hạn giải quyết vụ án:

Theo Thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 09/12/2025, thời

gian mở phiên tòa vào ngày 09/3/2026 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều đề nghị Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và mở phiên tòa trước các mốc thời hạn Tòa án đã ấn định. Mặt khác anh T và chị X đều được tiếp cận đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Do vậy, việc Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: HĐXX thấy:

Anh Nguyễn Văn T và chị Phùng Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn ngày 13/11/2017. Vì vậy hôn nhân giữa anh T và chị X được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh T và chị X đều thừa nhận, sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và nhất là từ khi chị X đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, do sống xa cách về địa lý nên không có điều kiện chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày, cũng như nuôi dạy con cái nên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Cả anh T và chị X đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng được ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56/ Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T, xử cho anh T được ly hôn với chị X.

[2.2] Về con chung:

Anh T và chị X đều xác nhận trong thời kỳ hôn nhân hai anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia N sinh ngày 18/12/2017. Hiện nay con đang sinh sống cùng anh T, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang học tại Trường tiểu học xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành, bản thân cháu N cũng có ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố. Chị X nhất trí với yêu cầu nuôi con của anh T, anh T có thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng.

Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với thực tế bởi anh T hiện đang sinh sống tại Việt Nam, có việc làm, thu nhập, chỗ ở ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi và cũng là phù hợp với nguyện vọng của con, còn chị X đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do vậy căn cứ Điều 81/Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T về việc nuôi con chung, anh T được trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Gia N cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung, chị X cũng không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo quy định tại Điều 82/Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị X đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 469, Điều 474, Điều 475, Điều 476, khoản 5 Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 122, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Phùng Thị X.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Gia N sinh ngày 18/12/2017 cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị X có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000081 ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn; *(Khi bản án có hiệu lực pháp luật)*
- Đường sự;
- UBND xã Cư Lễ, huyện Na Rì; *(Khi bản án có hiệu lực pháp luật)*
- Lưu Tổ HCTP;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai